

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN TỰ CÔNG BỐ SẢN PHẨM

Số: 03-2024-NM/Công ty TNHH Nam Phương V.N/2024

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân tự công bố sản phẩm

Tên tổ chức, cá nhân: CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

Địa chỉ: 124 Lê Lai, phường 3, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Điện thoại: (+84 28) 37963804

Fax: (+84 28) 37963805

E-mail: namphuongfood@vnn.vn

Mã số doanh nghiệp: 0303205976

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 682449.

Ngày cấp chứng nhận ban đầu: 17/04/2018.

Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI

II. Thông tin về sản phẩm

1. Tên sản phẩm: **NƯỚC MẮM CAO CẤP VỊ XỨA**

2. Thành phần:

Thành phần chính (95%): Tinh cốt cá cơm Phú Quốc (cá, muối)

Thành phần phụ (5%): Chất điều vị (640, 621, 639, 631, 627), protein đậu nành thủy phân, chất điều chỉnh độ acid (296), hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất ổn định (415).

3. Thời hạn sử dụng sản phẩm: 24 tháng kể từ ngày sản xuất.

4. Quy cách đóng gói và chất liệu bao bì:

Sản phẩm được chứa đựng trong chai thủy tinh hoặc chai/can PET (phù hợp với bao bì dùng để bao gói thực phẩm) với các thể tích thực: 50 ml, 250 ml, 500 ml, 700 ml, 750 ml, 900 ml, hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

Sau khi đóng chai, sản phẩm được đóng thùng carton với số lượng 06 chai/thùng, 12 chai/thùng, 15 chai/thùng, 24 chai/thùng, 60 chai/thùng, hoặc theo nhu cầu kinh doanh của công ty.

5. Tên và địa chỉ cơ sở sản xuất sản phẩm:

Sản xuất và đóng chai tại: CÔNG TY TNHH CHẾ BIẾN THỰC PHẨM BAO BÌ THANH THỦY

Địa chỉ: Số 6, đường số 10, KCN Việt Nam-Singapore, phường An Phú, TP. Thuận An, tỉnh Bình Dương, Việt Nam.

Số Giấy chứng nhận cơ sở đạt chứng nhận FSSC 22000: FSSC 688402. Ngày cấp chứng nhận ban đầu: 02/03/2019. Nơi cấp: Tổ chức chứng nhận của Viện Tiêu Chuẩn Anh-BSI

Phân phối bởi: CÔNG TY TNHH INTERNATIONAL FOOD MASTER



Địa chỉ: Lô C2-3, đường D2, KCN Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

III. Mẫu nhãn sản phẩm (Mẫu nhãn sản phẩm đính kèm).

IV. Yêu cầu về an toàn thực phẩm

Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm đạt yêu cầu về an toàn thực phẩm theo:

- Chỉ tiêu vi sinh:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Tổng số vi sinh vật hiếu khí	CFU/ml	10^4
2	Coliforms	CFU/ml	10^2
3	<i>E.coli</i>	CFU/ml	Không có
4	<i>S.aureus</i>	CFU/ml	3
5	<i>Clostridium perfringens</i>	CFU/ml	10
6	<i>Salmonella</i>	/25ml	Không có
7	<i>V.Parahaemolyticus</i>	CFU/ml	10

- Chỉ tiêu kim loại nặng Theo QCVN 8-2:2011/BYT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia đối với giới hạn ô nhiễm kim loại nặng trong thực phẩm (Nhóm nước chấm)

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Mức tối đa
1	Arsen (As) (vô cơ)	ppm	1,00
2	Cadimi (Cd)	ppm	1,00
3	Chì (Pb)	ppm	2,00
4	Thủy ngân (Hg)	ppm	0,05

- Chỉ tiêu hóa lý:

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Hàm lượng Nitơ toàn phần, không nhỏ hơn	g/l	40
2	Hàm lượng nitơ axit amin, so với nitơ toàn phần, không nhỏ hơn	%	55
3	Hàm lượng nitơ amoniac, so với hàm lượng nitơ toàn phần, không lớn hơn	%	20
4	Độ pH		4,5 – 6,5
5	Hàm lượng muối natri clorua	g/l	240 - 270

- Thành phần dinh dưỡng

STT	Tên chỉ tiêu	Đơn vị tính	Tiêu chuẩn
1	Năng lượng, trong khoảng	Kcal/100 ml	100,0 – 120,0
2	Hàm lượng chất béo, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5
3	Hàm lượng carbohydrat, trong khoảng	g/100 ml	0 – 2,0
4	Hàm lượng chất đạm, trong khoảng	g/100 ml	25,0 – 28,0
5	Hàm lượng đường tổng số, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,5
6	Hàm lượng chất béo bão hòa, trong khoảng	g/100 ml	0 – 0,1
7	Hàm lượng Natri, trong khoảng	mg/100 ml	7000,0 – 13000,0

- Nghị định 43/2017/NĐ-CP: Về nhãn hàng hóa.
- Nghị định 111/2021/NĐ-CP: Sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa.
- Thông tư 29/2023/TT-BYT: Hướng dẫn nội dung, cách ghi thành phần dinh dưỡng, giá trị dinh dưỡng trên nhãn thực phẩm.
- Thông Tư số 24/2019/TT-BYT: Quy định về quản lý và sử dụng phụ gia thực phẩm

Chúng tôi xin cam kết thực hiện đầy đủ các quy định của pháp luật về an toàn thực phẩm và hoàn toàn chịu trách nhiệm về tính pháp lý của hồ sơ công bố và chất lượng, an toàn thực phẩm đối với sản phẩm đã công bố./.

TP.Hồ Chí Minh, ngày 23 tháng 05 năm 2024

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

(Ký tên, chức vụ, đóng dấu)

GIÁM ĐỐC KHÔI NHÀ MÁY



ĐẶNG THỊ MỸ CẨM

Mẫu nhãn nước mắm



Đặng Thị Mỹ Cẩm

Thế tích thực **250 ml**

Mẫu nhãn nước mắm



Vị Xưa

NƯỚC MẮM CAO CẤP

Đậm Ngọt

40^đ

95% tinh cốt cá cơm Phú Quốc

3KHÔNG

Tuyệt đối không thêm màu tổng hợp, đường tổng hợp



NƯỚC MẮM CAO CẤP

Vị Xưa

THƯƠNG HIỆU ĐÁ CÓ MẶT TẠI MỸ

Thành phần chính (95%): Tinh cốt cá cơm Phú Quốc (cá, muối).
Thành phần phụ (5%): Chất điều vị (640, 621, 639, 631, 627), protein đậu nành thủy phân, chất điều chỉnh độ acid (296), hương liệu tổng hợp (hương nước mắm, hương cá hồi), chất ổn định (415).

Hướng dẫn sử dụng: Dùng để chấm, ướp, nêm nấu các món ăn.
Hướng dẫn bảo quản: Đậy kín nắp, bảo quản nơi khô ráo, thoáng mát, tránh ánh nắng trực tiếp.

Thông tin cảnh báo: Hiện tượng kết tinh muối và sẫm màu theo thời gian là hiện tượng tự nhiên, không ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm. Lưu ý đối với những người có khả năng mẫn cảm và dị ứng với các thành phần trên.

Chỉ tiêu chất lượng: Hàm lượng nitơ toàn phần (độ đậm tổng số) ≥ 40 g/l.
 Hàm lượng nitơ axit amin (đạm axit amin), so với nitơ toàn phần $\geq 55\%$.

NSX & HSD: Xem trên bao bì.

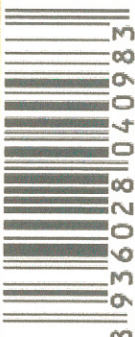
Giá trị dinh dưỡng
 trung bình trong 100 ml

– Năng lượng	110 kcal	– Chất đạm	26,5 g
– Carbohydrat	1g	– Natri	10000 mg





ISO 22000, ISO 9001, ISO 14001, ISO 45001



8 936028 040983

Sản xuất tại Việt Nam

* Cam kết không thêm chất bảo quản trong quá trình sản xuất tại công ty.

1900 558856  barona.vn
Sản phẩm của Công ty TNHH Nam Phương VN
 124 Lê Lai, P.3, Q. Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Sản xuất và đóng chai tại:
 Công ty TNHH Chế biến Thực phẩm Bao bì Thanh Thủy
 Số 6, đường số 10, KCN Việt Nam - Singapore, P. An Phú, TP. Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam.
 Phân phối bởi: Công ty TNHH International Food Master
 Lô C2-3, Đường D2, KCN Tân Phú Trung, Xã Tân Phú Trung, H. Củ Chi, Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Thế tek thực 50 ml

ĐÀM ĐỐC
ÔNG NHÀ MẮY

Đặng Thị Mỹ Cẩm



Report N°: 0000523137

Page N° 1/4

Ho Chi Minh City, Date: May 09, 2024

TP. Hồ Chí Minh, Ngày: 09/05/2024

JOB NO.: 2405A-0214

Đơn hàng: 2405A-0214

ANALYSIS REPORT

BÁO CÁO PHÂN TÍCH

CLIENT'S NAME : NAM PHUONG V.N CO., LTD
Tên khách hàng : CÔNG TY TNHH NAM PHƯƠNG V.N

CLIENT'S ADDRESS : 124 LE LAI STREET, WARD 3, GO VAP DISTRICT, HO CHI MINH CITY,
Địa chỉ : VIETNAM
124 LÊ LAI, PHƯỜNG 3, QUẬN GÒ VẤP, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH, VIỆT NAM

SAMPLE INFORMATION:

THÔNG TIN MẪU

Sampled/ Submitted by : Client
Được lấy/ gửi bởi : Khách hàng
Client's reference : Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Chú thích của khách hàng :

The above information is submitted and identified by the client/applicant.

Các thông tin trên được cung cấp và nhận dạng bởi khách hàng/người yêu cầu.

Sample description : Fish sauce (approx. gr. wt. 1kg) in the full labeled glass
Mô tả mẫu : container
Nước mắm (khoảng 1kg bao gồm bao bì) chứa trong vật chứa bằng thủy tinh
nhãn mác đầy đủ

Sample ID : 2405A-0214.002
Mã số mẫu :

Date sample(s) received : May 03, 2024
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024

Testing period : May 03, 2024 - May 09, 2024
Thời gian thử nghiệm : 03/05/2024 - 09/05/2024

Test(s) requested : As applicant's requirement
Yêu cầu thử nghiệm : Theo yêu cầu của khách hàng

Test result(s) : Please refer to the next page(s)
Kết quả kiểm nghiệm : Vui lòng tham khảo trang sau

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service
<<http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>>. Attention is drawn to the limitations
of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of
this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings
at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The
Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties
to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction
documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or
appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest
extent of the law.



Report N°: 0000523137

Page N° 2/4

TEST RESULT(S)

KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Analyte Chỉ tiêu phân tích	Method Phương pháp	Result Kết quả	LOD	LOQ	Unit Đơn vị	Remark Chú thích
1. Total nitrogen Hàm lượng nitơ tổng	TCVN 3705:1990	41.45	1	3.2	g/L	
2. Crude protein Đạm thô	TCVN 3705:1990	25.91	0.6	2	g/100mL	N x 6.25
3. Carbohydrate (not including dietary fiber) Carbohydrat (không bao gồm xơ)	AOAC 2020.07	0.88	0.08	0.25	g/100mL	
4. Energy - Viet Nam (VN) market Năng lượng - Thị trường Việt Nam	FAO Food and Nutrition Paper 77 (2003) ^(*)	107	-	-	kcal/100mL	
5. Total sugars (as sucrose) Đường tổng (quy về sucroza)	LFOD-TST-SOP-8126 (Luff-Schoorl method)	<0.5	0.15	0.5	g/100mL	
6. Total fat (sum of fatty acids, expressed as triglycerides) Béo tổng (tổng của các axit béo, quy về triglycerides)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0267	0.0001	0.0003	g/100mL	
7. Saturated fatty acids (SFA) Hàm lượng axit béo bão hòa (SFA)	LFOD-TST-SOP-8444 (GC-FID)	0.0054	0.0001	0.0003	g/100mL	
8. Sodium (Na) Natri	AOAC 2011.14	7821	-	1	mg/100mL	

Note/Ghi chú:

- All methods were accredited with ISO 17025 by BoA or AOSC (without or with a triangle symbol (Δ) after the methods, respectively), except for the methods/analytes marked with an asterisk (*).
Tất cả phương pháp được công nhận ISO 17025 bởi BoA hoặc AOSC (không có hoặc có kí hiệu hình tam giác (Δ) tương ứng ngay sau phương pháp), ngoại trừ những phương pháp/chỉ tiêu được đánh dấu một sao (*).
- All methods were performed by SGS Vietnam Ltd (the ones marked with the superscript number one (¹) were performed by SGS Can Tho Lab), except for the ones that were done by subcontractors (their names were mentioned in the parentheses after the method) and marked with two asterisks (**) after the analyte name.
Tất cả phương pháp thử được thực hiện bởi Công ty SGS Việt Nam TNHH (phương pháp được đánh dấu với chữ số một bên trên (¹) được thực hiện bởi PTN SGS Cần Thơ), trừ các phương pháp được thực hiện bởi nhà thầu phụ (tên nhà thầu phụ được đề cập trong ngoặc đơn ngay sau phương pháp) và được đánh dấu hai sao (**) sau tên chỉ tiêu.
- All methods (e.g.: AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, SGS Laboratory developed method...) not stated with the published year were on the latest version at the time the tests were conducted.
Tất cả các phương pháp (như AOAC, AOCS, AACC, AAFCO, SMEWW, CMMEF, phương pháp thử nội bộ...) không được công bố năm ban hành đều là phiên bản mới nhất tại thời điểm kiểm nghiệm.
- Testing time of all analytes was stated in the "Testing Period" (page 1) unless specified separately.
Thời gian thử nghiệm của tất cả chỉ tiêu phân tích được đề cập tại "Thời gian thử nghiệm" (trang 1) trừ khi được chỉ rõ riêng.
- LOD = Limit of Detection. LOD is referred to the estimated Level of Detection at 50% of probability of detection (eLOD50) when applied to the qualitative microbiological analytes, Probability of Detection (POD) when applied to qualitative chemical analytes, or Probability of Identification (POI) when applied to identification analytes. The result of the analyte with the concentration below or equal to LOD is reported as Not Detected.

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
 Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam
Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
 Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
 t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn



Report N°: 0000523137

Page N° 3/4

LOD = Giới hạn phát hiện. LOD ứng với mức phát hiện ước lượng mà 50% các phép thử nghiệm cho kết quả dương tính (eLOD50) khi áp dụng cho chỉ tiêu vi sinh định tính, khả năng phát hiện (POD) khi áp dụng cho chỉ tiêu hóa định tính hoặc khả năng định danh (POI) khi áp dụng cho chỉ tiêu nhận danh. Kết quả chất phân tích nhỏ hơn hoặc bằng LOD được báo cáo là Không phát hiện.

LOQ = Limit of Quantification. When the chemical analyte is detected but its concentration is below limit of quantitation (LOQ), the result is reported as <LOQ; except for metal analytes that are reported as Not Detected. If the quantifiable result was calculated from individual analytes, it was done using unrounded single values without the ones below LOQ, or it was expressed as less than the sum of the individual LOQs of detected analytes when the concentration of all detected analytes was <LOQ. For microbiological analytes, according to the plate count testing method with the initial dilution factor of 10, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <10 cfu/g (or <10 cfu/mL) if 1 mL of the diluted solution was incubated or <1 cfu/g (or <1 cfu/mL) if 10 mL of the diluted solution was incubated, <100 cfu/g (or <100 cfu/mL) for samples with further dilution of 10, <1 cfu/mL for pipettable samples without dilution, <10 cfu/sample (or <10 cfu/swab) for hygiene environment samples that are required to report on whole tested samples, or <10 cfu/area for hygiene environment samples that are required to report on specific area; according to the membrane filter method without further dilution, the result of the sample that the relevant colonies were not formed was reported as <1 cfu per sample volume tested; according to MPN technique if there were no suspected reactions after required incubation period, the result was negative and reported as 0 MPN/g (or 0 MPN/mL) for samples without further dilution (i.e. sample amount of 1 g (or 1 mL) in the series of the highest concentration tubes), 0 MPN/0.1g (or 0 MPN/0.1mL) for samples with further dilution of 10 (i.e. sample amount of 0.1 g (or 0.1 mL) in the series of the highest concentration tubes), or <1.8 MPN/100mL for water samples (i.e. sample amount of 10 mL in the series of the highest concentration tubes).

LOQ = Giới hạn định lượng. Khi chất phân tích hóa học được phát hiện nhưng nồng độ nhỏ hơn giới hạn định lượng (LOQ), thì kết quả được thể hiện là <LOQ; ngoại trừ các chỉ tiêu kim loại thì kết quả được thể hiện là Không phát hiện. Nếu kết quả có thể định lượng được tính từ các chất phân tích riêng lẻ, nó được thực hiện từ các giá trị đơn lẻ chưa được làm tròn và không bao gồm các giá trị nhỏ hơn giới hạn định lượng, hoặc được biểu thị dưới dạng nhỏ hơn tổng của các LOQ riêng lẻ của các chất phân tích phát hiện khi nồng độ tất cả các chất phát hiện đều <LOQ. Đối với chỉ tiêu phân tích vi sinh, theo phương pháp thử nghiệm đổ đĩa với hệ số pha loãng ban đầu là 10, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <10 cfu/g (hoặc <10 cfu/mL) nếu 1 mL dịch pha loãng đã được ủ hoặc <1 cfu/g (hoặc <1 cfu/mL) nếu 10 mL dịch pha loãng mẫu được ủ, <100 cfu/g (hoặc <100 cfu/mL) đối với mẫu pha loãng thêm 10 lần, <1 cfu/mL đối với mẫu có thể rút được mà không pha loãng, <10 cfu/mẫu (hoặc <10 cfu/swab) đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên toàn bộ mẫu được kiểm, hoặc <10 cfu/điện tích đối với mẫu vệ sinh công nghiệp yêu cầu báo cáo trên diện tích cụ thể; theo phương pháp lọc mà không pha loãng thêm, mẫu không phát hiện khuẩn lạc được trả kết quả <1 cfu/thể tích mẫu được kiểm; theo kỹ thuật đếm số có xác suất lớn nhất, nếu không có bất kỳ phản ứng nào nghi ngờ sau khoảng thời gian ủ qui định, kết quả là âm tính và báo cáo được thể hiện là 0 MPN/g (hoặc 0 MPN/mL) với mẫu không pha loãng thêm (tương ứng với hàm lượng mẫu 1 g (hoặc 1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất), 0 MPN/0.1g (hoặc 0 MPN/0.1mL) với mẫu đã được pha loãng 10 lần (tương ứng với hàm lượng mẫu 0.1 g (hoặc 0.1 mL) ở dãy ống có nồng độ cao nhất) hoặc <1.8 MPN/100mL với nền mẫu nước (tương ứng với hàm lượng mẫu 10 mL ở dãy ống có nồng độ cao nhất).

_(a) Refer to LOD/LOQ of the individual analytes that were used to calculate the sum analyte.

_(a) Tham khảo LOD/LOQ của từng chất riêng lẻ tương ứng được dùng để tính chỉ tiêu tổng.

- (VN) Carbohydrate (not including dietary fiber) factor: 4 kcal/g, Fat factor: 9 kcal/g, Protein factor: 4 kcal/g, 1 kcal = 4.184 kJ (Source: FAO - Food and Nutrition paper 77 (2003)).

(VN) Hệ số của carbohydrate (không bao gồm xơ) : 4 kcal/g, hệ số của chất béo: 9 kcal/g, hệ số của chất đạm: 4 kcal/g, 1 kcal = 4.184 kJ (Nguồn: FAO – Thực phẩm và Dinh dưỡng số 77 (2003))

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam
HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward,
Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,
Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam
t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.



Report N°: 0000523137

Page N° 4/4

PHOTO APPENDIX/PHỤ LỤC HÌNH ẢNH



REPORT RESULTS REFER TO SUBMITTED SAMPLE(S) ONLY AND SUCH SAMPLE(S) ARE RETAINED FOR 15 DAYS ONLY IF THERE ARE NO OTHER SPECIFIC STATEMENTS

Kết quả phân tích chỉ có giá trị trên mẫu đã nhận tại phòng thí nghiệm và mẫu được lưu trữ trong vòng 15 ngày nếu không có thông báo đặc biệt khác

*** END OF THE REPORT ***

Your feedback helps us improve our service.
Please scan and rate us here



[Customer's feedback - Food Lab](#)

Signed for and on behalf of

SGS Vietnam LTD

Thay Mặt Công ty SGS Việt Nam



Phí Lê Kim Khôi

Trưởng Phòng Vệ Sinh và Sinh Học Phân Tử

SGS Vietnam Ltd.

198 Nguyen Thi Minh Khai St., Vo Thi Sau Ward, Dist.3, Ho Chi Minh City, Vietnam

HCM Laboratory: Lot III/21, St. 19/5A, Group CN III, Tan Binh IZ, Tay Thanh Ward, Tan Phu Dist., Ho Chi Minh City, Vietnam

Can Tho Laboratory: Korea - VN Incubator Park in Can Tho, 8th St.,

Tra Noc 2 IZ, Phuoc Thoi Ward, O Mon Dist., Can Tho City, Vietnam

t(84-28) 3935 1920 f(84-28) 3935 1921 www.sgs.vn

This document is issued by the Company subject to its General Conditions of Service <http://www.sgs.com/en/Terms-and-Conditions.aspx>. Attention is drawn to the limitations of liability, indemnification and jurisdictional issues established therein.

This document is to be treated as an original within the meaning of UCP 600. Any holder of this document is advised that information contained hereon reflects the Company's findings at the time of its intervention only and within the limits of client's instructions, if any. The Company's sole responsibility is to its Client and this document does not exonerate parties to a transaction from exercising all their rights and obligations under the transaction documents. Any unauthorized alteration, forgery or falsification of the content or appearance of this document is unlawful and offenders may be prosecuted to the fullest extent of the law.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00059120
Mã số kết quả : AR-24-VD-061744-01-VI / EUVNHC-00267566



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 03/05/2024 - 07/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/05/2024
Mã số PO của khách hàng : PR9K240502154

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD334 VD (a) <i>Clostridium perfringens</i>	cfu/ g	TCVN 4991:2005 (ISO 7937:2004)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD354 VD (a) <i>Escherichia coli</i>	MPN/ g	TCVN 7924-3:2017 (ISO 16649-3:2015)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD368 VD (a) <i>Salmonella spp.</i>	/25 g	TCVN 10780-1:2017 (ISO 6579-1:2017)	Không phát hiện
4	VD373 VD (a) <i>Staphylococcus aureus</i>	cfu/ g	AOAC 975.55	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD389 VD (a) <i>Listeria monocytogenes</i>	cfu/ g	ISO 11290-2:2017	Không phát hiện (LOD=10)
6	VD1YQ VD <i>Vibrio parahaemolyticus</i>	cfu/ g	EVN-R-RD-3-TP-5725 (Ref. TCVN 5648:1992)	Không phát hiện (LOD=10)
7	VD325 VD (a) Tổng số vi sinh vật hiếu khí	cfu/ g	ISO 4833-1:2013/Amd.1:2022	4.5x10 ¹
8	VD340 VD (a) Coliforms	cfu/ g	TCVN 6848:2007 (ISO 4832:2006)	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00059113
Mã số kết quả : AR-24-VD-062021-01-VI / EUVNHC-00267566



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

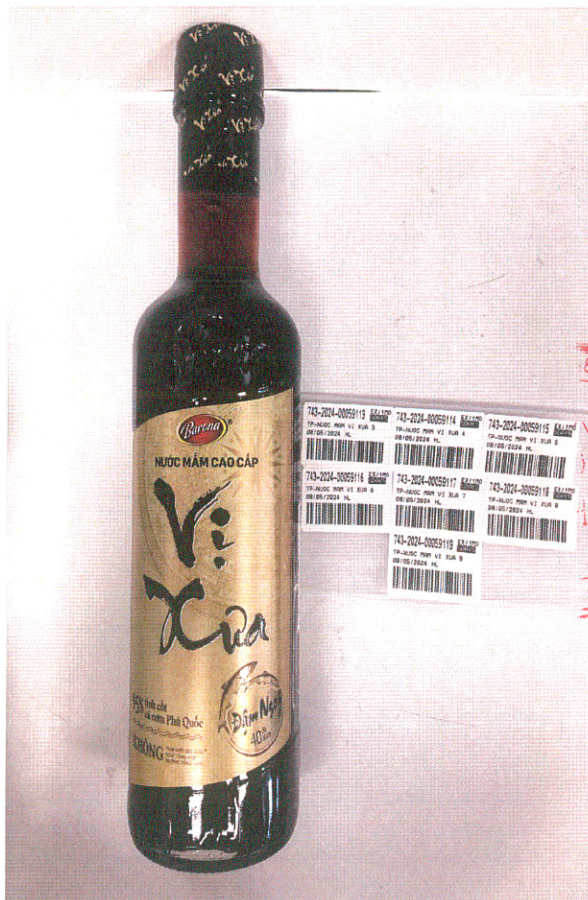
Tên mẫu : Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 03/05/2024 - 08/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/05/2024
Mã số PO của khách hàng : PR9K240502154

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD222 VD (a) Nitơ	g/ l	TCVN 3705:1990	40.3
2	VD231 VD (a) Nitơ-amoniac (NH ₃ -N)	g/ l	TCVN 3706:1990	3.44
3	VD232 VD (a) Nitơ Amin-Amoniacc	g/ l	TCVN 3707:1990	33.8
4	VD976 VD Nitơ-Amoniacc / Nitơ tổng	%	TCVN 3705:1990; TCVN 3706:1990	8.54
5	VD103 VD (a) Độ acid (tính theo acid acetic)	g/ l	TCVN 3702:2009	10.32
6	VD240 VD pH		Internal method (EVN-R-RD-2-TP-5846) ref AOAC 943.02	5.04
7	VD270 VD (a) Muối (NaCl)	g/ l	TCVN 3701:2009	251
8	VD882 VD Nitơ-Acid Amin / Nitơ tổng	%	TCVN 3705:1990; TCVN 5107:2018	75.3
9	VD1NF VD (a) Nitơ-acid amin	g/ l	TCVN 5107:2018	30.3



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



 Nguyễn Anh Vũ
 Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh

 Lý Hoàng Hải
 Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Kỳ Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VIAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00059114
Mã số kết quả : AR-24-VD-061740-01-VI / EUVNHC-00267566



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 03/05/2024 - 07/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/05/2024
Mã số PO của khách hàng : PR9K240502154

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD859 VD (a) Thủy ngân (Hg)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.01)
2	VD853 VD (a) Cadimi (Cd)	mg/ l	AOAC 2015.01	Phát hiện vết (<0.05)
3	VD854 VD (a) Chì (Pb)	mg/ l	AOAC 2015.01	Không phát hiện (LOD=0.04)
4	VD900 VD (a) Asten vô cơ (As)	mg/ l	EVN-R-RD-2-TP-3601 (Ref IMEP-41& AOAC 2015.01)	Không phát hiện (LOD=0.02)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu :	743-2024-00059115	
Mã số kết quả :	AR-24-VD-061741-01-VI / EUVNHC-00267566	

Công Ty TNHH Nam Phương V.N
124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu :	Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Tình trạng mẫu :	Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu :	03/05/2024
Thời gian thử nghiệm :	03/05/2024 - 07/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng :	08/05/2024
Mã số PO của khách hàng :	PR9K240502154

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD21D VD Brilliant blue (E133)		EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện
2	VD21D VD Allura red (E129)		EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện
3	VD21D VD Erythrosin (E127)		EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện
4	VD21D VD Ponceau 4R (E124)		EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện
5	VD21D VD Sunset Yellow (E110)		EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện
6	VD21D VD Tartrazine (E102)		EVN-R-RD-1-TP-5251	Không phát hiện



KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00059116
Mã số kết quả : AR-24-VD-061997-01-VI / EUVNHC-00267566



Công Ty TNHH Nam Phương V.N
124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Tên mẫu : Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 03/05/2024 - 08/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/05/2024
Mã số PO của khách hàng : PR9K240502154

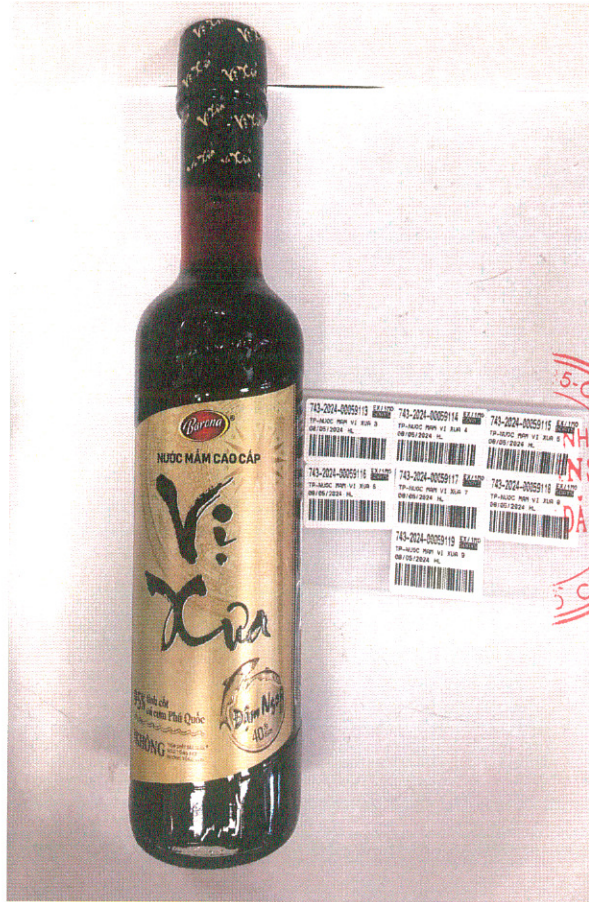


STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD041 VD (a) Natri cyclamat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-4845 (Ref. j.jfda.2014.01.024)	Không phát hiện (LOD=20)
2	VD0AQ VD (a) Aspartam (E951)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD0AS VD (a) Acesulfam kali (E950)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD0AR VD (a) Saccharin (E954)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-5623, 3579 (Ref. BS EN 12856:1999)	Không phát hiện (LOD=10)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sack-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sacký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sacký Hải Đăng.(a): được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

Mã số mẫu : 743-2024-00059118
Mã số kết quả : AR-24-VD-061743-01-VI / EUVNHC-00267566



Công Ty TNHH Nam Phương V.N

124 Lê Lai, Phường 3, Quận Gò Vấp
TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

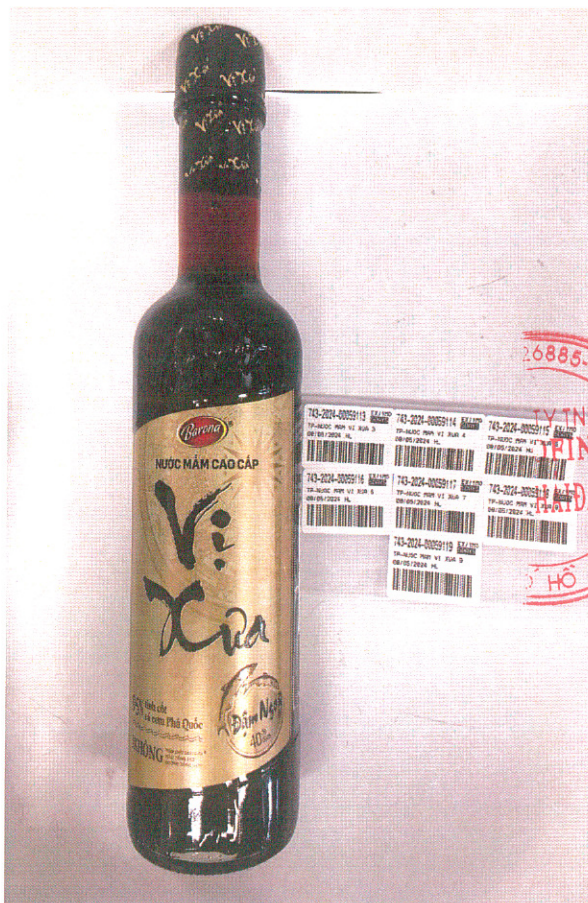
Tên mẫu : Nước mắm cao cấp Vị Xưa
Tình trạng mẫu : Mẫu thành phẩm
Ngày nhận mẫu : 03/05/2024
Thời gian thử nghiệm : 03/05/2024 - 08/05/2024
Ngày hẹn trả kết quả khách hàng : 08/05/2024
Mã số PO của khách hàng : PR9K240502154

STT	CHỈ TIÊU THỬ NGHIỆM	ĐƠN VỊ	PHƯƠNG PHÁP THỬ	KẾT QUẢ
1	VD30A VD (a) Kali sorbat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
2	VD30B VD (a) Natri benzoat	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
3	VD2C7 VD (a) Benzoic acid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
4	VD2CA VD (a) Sorbic acid	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-3578 (Ref. ISO 22855:2008; TCVN 8122: 2009)	Không phát hiện (LOD=10)
5	VD39H VD Ethylenediaminetetraacetic acid (EDTA)	mg/ kg	EVN-R-RD-1-TP-27666 (Tomoko Kemmei, Shuji Kodama, Atsushi Yamamoto, Yoshinori Inoue, Kazuichi Hayakawa, "Determination of ethylenediaminetetraacetic acid in foods by reversed-phase high-performance liquid chromatography". Food Chemistry 138 (2013) 866–869. Carolina E. Cagnasso, Laura B. Lopez, Viviana G. Rodriguez, Mirta E. Valencia, "Development and validation of a method for the determination of EDTA in non-alcoholic drinks by HPLC". Journal of Food Composition and Analysis 20 (2007) 248–251.)	Không phát hiện (LOD=0.5)

LOD: Giới hạn phát hiện của phương pháp.

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

HÌNH ẢNH MẪU NHẬN ĐƯỢC



Ký tên



Nguyễn Anh Vũ
Giám Đốc Chi nhánh Hồ Chí Minh



Lý Hoàng Hải
Tổng Giám Đốc

Bản kết quả được xác nhận điện tử bởi Nguyễn Anh Vũ 09/05/2024, và được phê duyệt điện tử bởi Lý Hoàng Hải 09/05/2024.

Ghi chú giải thích

Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu thử do khách hàng cung cấp. Thông tin mẫu và thông tin khách hàng được ghi theo yêu cầu của khách hàng. Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm hoặc tham chiếu đến Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng trong các hoạt động quảng cáo, khuyến mại hoặc các hoạt động có thể gây xung đột lợi ích.

Thông thường, mẫu được lưu giữ 7 ngày kể từ ngày gửi báo cáo (không áp dụng lưu mẫu đối với mẫu thử nghiệm vi sinh và mẫu dễ hư hỏng). Việc lưu mẫu có thể dài hơn theo hợp đồng đã thỏa thuận với khách hàng hoặc theo yêu cầu của cơ quan chức năng.

Hết thời hạn lưu mẫu, Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả thử nghiệm của khách hàng.

Báo cáo kết quả này được phát hành dựa trên cơ sở các yêu cầu đã thỏa thuận giữa Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng và khách hàng; và, tuân theo "Điều khoản cung cấp dịch vụ chung", đăng tải www.eurofins.vn/vn/eurofins-tai-viet-nam/eurofins-sac-ky-hai-dang/dieu-khoan-va-dieu-kien-chung-ve-cung-cap-dich-vu/.

Mọi hành vi sao chép, thay đổi, giả mạo hoặc làm sai lệch nội dung hoặc hình thức một cách trái phép của tài liệu này đều là bất hợp pháp và người vi phạm có thể bị truy tố trước pháp luật.

Các phương pháp bắt đầu với ký tự EVN; A39; N79; EHC là phương pháp nội bộ do PTN Eurofins Sắc Ký Hải Đăng xây dựng.

"VD": Các phép thử này được thực hiện tại phòng thí nghiệm Công ty TNHH Eurofins Sắc Ký Hải Đăng.(a) được công nhận theo ISO/IEC 17025:2017 VILAS 238.